PHÒNG GD&ĐT DIỄN CHÂU ***(Phụ lục 01)***

 **TRƯỜNG MẦM NON DIỄN LIÊN**

**KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ 5 - 6 TUỔI**

**NĂM HỌC 2024 - 2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số 200/KH-MNDL ngày 05 tháng 9 năm 2024*

 *của Trường mầm non Diễn Liên)*

**A. KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **Tuần** | **Thời gian thực hiện** |
| **1** | **Đến trường thật vui****(3 tuần)** | Bé vui đón tết Trung thu | 1 | 16/9 - 20/9/2024 |
| Lớp mẫu giáo của bé | 2 | 23/9 - 27/9/2024 |
| Các hoạt động trong trường mầm non | 3 | 30/9 - 04/10/2024 |
| **2** | **Bé và những người bạn****(4 tuần)** | Tôi là ai | 4 | 07/10 - 11/10/2024 |
| Ngày hội của bà, của mẹ (20/10) | 5 | 14/10 - 18/10/2024 |
| Cơ thể tôi và bạn | 6 | 21/10 - 25/10/2024 |
| Nhu cầu của bé | 7 | 28/10 - 01/11/2024 |
| **3** | **Gia đình thân yêu****(4 tuần)** | Gia đình bé và những người thân | 8 | 04/11 - 08/11/2024 |
| Ngôi nhà của bé | 9 | 11/11 - 15/11/2024 |
| Ngày hội của cô giáo | 10 | 18/11 - 22/11/2024 |
| Nhu cầu của gia đình bé | 11 | 25/11 - 29/11/2024 |
| **4** | **Những nghề bé yêu****(5 tuần)** | Nghề sản xuất nông nghiệp ở địa phương bé | 12 | 02/12 - 06/12/2024 |
| Chú công nhân xây dựng | 13 | 09/12 - 13/12/2024 |
| Cháu yêu chú bộ đội | 14 | 16/12 - 20/12/2024 |
| Nghề chăm sóc sức khỏe | 15 | 23/12 - 27/12/2024 |
| Nghề dịch vụ | 16 | 30/12/2024 - 03/01/2025 |
| **5** | **Thế giới thực vật và Tết nguyên đán****(5 tuần)** | Cây cần gì để phát triển | 17 | 06/01 - 10/01/2025 |
| Một số loại rau, củ | 18 | 13/01 - 17/01/2025 |
| Bé vui đón Tết nguyên đán | 19 | 20/01 - 24/01/2025 |
| ***25/01 - 02/02/2025, nghỉ Tết nguyên đán******(Tức ngày 25/12/2024 - 05/01/2025 âm lịch)*** |
| Những bông hoa đẹp | 20 | 03/02 - 07/02/2025 |
| Bé thích nhiều loại quả | 21 | 10/02 - 14/02/2025 |
| **6** | **Những con vật gần gũi****(5 tuần)** | Động vật nuôi trong gia đình | 22 | 17/02 - 21/02/2025 |
| Động vật sống dưới nước | 23 | 24/02 - 28/02/2025 |
| Ngày vui 08/3 | 24 | 03/3 - 07/3/2025 |
| Động vật sống trong rừng | 25 | 10/3 - 14/3/2025 |
| Một số côn trùng và chim | 26 | 17/3 - 21/3/2025 |
| **7** | **Phương tiện và quy định giao thông****(3 tuần)** | Phương tiện và quy định giao thông đường bộ, đường sắt | 27 | 24/3 - 28/3/2025 |
| Phương tiện và quy định giao thông đường thủy | 28 | 31/3 - 04/4/2025 |
| Phương tiện và quy định giao thông đường không | 29 | 07/4 - 11/4/2025 |
| **8** | **Nước và một số hiện tượng tự nhiên****(3 tuần)** | Nước và không khí | 30 | 14/4 - 18/4/2025 |
| Thứ tự các mùa | 31 | 21/4 - 25/4/2025 |
| Sự kỳ diệu của đất, đá, cát, sỏi | 32 | 28/4 - 02/5/2025 |
| **9** | **Đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học (3 tuần)** | Quê hương Việt Nam tươi đẹp | 33 | 05/5 - 09/5/2025 |
| Bác Hồ kính yêu | 34 | 12/5 - 16/5/2025 |
| Trường tiểu học | 35 | 19/5 - 23/5/2025 |

**B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC SỨC KHỎE**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Phương pháp, hình thức thực hiện** | **Người thực hiện, người phối hợp thực hiện** | **Lưu ý/ Điều chỉnh** |
| **1. Tổ chức bữa ăn** | ***a. Số lượng và chất lượng bữa ăn***- Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ.- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.- Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày: 615 - 726 Kcal.- Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.- Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:+ Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20%  năng lượng khẩu phần.+ Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.+ Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.- Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 03 đến 05 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: Cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng.- Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kĩ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay… nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh an toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn.- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.- Nước uống: Khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (Kể cả nước trong thức ăn).- Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 02 - 03 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống.***b. Chăm sóc bữa ăn****\* Trước khi ăn*- Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau...- Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn. *\* Trong khi ăn*- Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: Biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ.- Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở.Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn cho trẻ (Ăn tự chọn, bữa ăn gia đình...) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn thực phẩm và dinh dưỡng cho trẻ.*\* Sau khi ăn*- Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh, đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng.- Đồ dùng cá nhân: Khăn mặt, ca cốc uống nước phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung.- Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp. | CBQL,giáo viên, nhân viên nấu ăn, phụ huynh |  |
| **2. Tổ chức giấc ngủ** | - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (Khoảng 150 phút).- Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc. ***\* Trước lúc cho trẻ ngủ***- Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ.- Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (Phù hợp với độ tuổi).- Kiểm tra số trẻ trong lớp, tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (Đối với mùa đông).***\* Trong khi ngủ*** - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xẩy ra trong khi ngủ.- Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ môi trường, trẻ khó ngủ; giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác.***\* Sau khi thức dậy***- Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ, có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột, làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều.- Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ. | Giáo viên, Nhân viên nấu ăn |  |
| **3. Tổ chức vệ sinh** | ***a.Vệ sinh cô***- Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng, đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ.- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm.***b. Vệ sinh cá nhân trẻ***- Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung.- Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (Xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp, thuận tiện cho trẻ khi sử dụng).- Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh.- Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ, tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (Nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để giáo viên có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết).- Trong thời điểm dịch bệnh đang xẩy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; cho trẻ đánh răng sạch sẽ. Chú ý các ký hiệu bàn chải và nơi để bàn chải đánh răng cho trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn.- Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyền truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa.***c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp****\* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:* - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; làm sao đồ dùng đồ chơi, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, đễ cất, tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng.- Đồ dùng, cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy.- Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 01 lần; chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh.- Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này.+ Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước.+ Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo.+ Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ.+ Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt.+ Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng.+ Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kĩ năng vệ sinh.+ Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ.*\* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường*- Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa giáo dục trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày.- Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng.- Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt. | Giáo viên, nhân viên bảo vệ |  |
| **4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn** | ***a. Chăm sóc sức khỏe****\* Khám sức khỏe*- Nhà trưởng phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho trẻ một năm ít nhất 1 lần.Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe.- Nếu phát hiện trẻ có bệnh lý về chuyên khoa thì tư vấn cha mẹ trẻ đưa trẻ đến khám khám, điều trị theo các chuyên khoa tại các bệnh viện.*\* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ*- Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao.- Theo dõi cân nặng 03 tháng/lần (Vào tháng 9, 12/2024 và tháng 3/2025); theo dõi chiều cao 06 tháng/lần (Vào tháng 9/2024 và tháng 3/2025).- Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 01 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ.- Trẻ từ 61 đến 78 tháng tuổi theo dõi 03 loại biểu đồ: Ngoài việc theo dõi biểu đồ đánh giá về cân nặng, chiều cao thì có biểu đồ BMI *(Lưu ý trẻ đủ 61 tháng tuổi trở lên mới theo dõi chỉ số BMI năm 02 lần vào tháng 12/2024 và tháng 3/2025)*. Đây là nội dung quan trọng ảnh hưởng đến phát triển thể chất sau này nên cần phải thực hiện chính xác trong thực hiện cân, đo cho trẻ.***b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp***- Phối hợp với Trạm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng.- Phòng tránh một số dịch bệnh thường xẩy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (Sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu…) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường.***c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm***- Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đường hô hấp, tiêu chảy...) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho, ỉa chảy.- Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau:+ Thuốc sát trùng ngoài da (Cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%).+ Thuốc hạ sốt.+ OERSOL.+ Thuốc nhỏ mắt trẻ em+ Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (Pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương.+ Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao.Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa và giữ sạch sẽ, không để các thứ khác vào tủ thuốc.Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế.Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên.***d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp***- Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương.- Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ.- Phối hợp Trạm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ. | CBQL, giáo viên,nhân viên y tế,trạm y tế xã,phụ huynh |  |

**C. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  |  **Nội dung**  |
| **I. Lĩnh vực phát triển thể chất** |
| **1. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** |
| **MT1**. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi- Trẻ trai: + Cân nặng: 15.9 - 27.1 kg+ Chiều cao: 106.1 - 125.8 cm- Trẻ gái:+ Cân nặng: 15.3 - 27.8 kg+ Chiều cao: 104.9 - 125.4 cm | - Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng- Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ- Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Cân, đo và khám sức khỏe định kỳ - Cân đo theo dõi trẻ suy dinh dưỡng hàng tháng- Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng, tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng.  |
| **MT2**. Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm | Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm:- Chất đạm: Thịt, cá, tôm, cua, trứng, sữa…- Chất béo: Dầu, mỡ, vừng, lạc…- Chất vitamin: Rau, củ, hoa quả...- Chất bột đường: Gạo, mì, khoai, sắn… |
| **MT3**. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản | - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống: Luộc, hấp, xào, rán, kho…- **GDKNS**: Thực hành sơ chế, chế biến, trang trí, trưng bày các món ăn. Tập làm salad rau củ; làm sinh tố; nước giải khát... |
| **MT4**. Trẻ biết: Ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe | - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…) |
| **MT5**. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày | - Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.* Thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và kỹ năng xếp, sắp xếp quần áo vào nơi quy định

- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.- Tập luyện một số hành vi, thói quen tốt về vệ sinh, phòng bệnh, giữ gìn sức khỏe- Cách xử lý khi nước vào tai- Giáo dục cho trẻ biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp thời tiết; ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.**- GDKNS**: Trang phục của bé theo thời tiết; biểu diễn thời trang nhí; những hành động nên làm, không nên làm về vệ sinh, phòng bệnh; vì sao bé bị ốm... |
| **MT6**. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh |
| **MT7**. Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo | Tự xúc cơm ăn gọn gàng, tự xới cơm, chan canh vào bát. Biết lấy cốc rót nước uống, không làm nước tràn ra ngoài |
| **MT8**. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống | Giáo dụctrẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:* Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn
* Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn
* Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau

- Không uống nước lã, ăn quà vặt - Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp- Kỹ năng ăn uống văn minh- Kỹ năng ăn đồ ăn nóng, lạnh |
| **MT9**. Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. | Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng:- Những hành động nguy hiểm: Cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt; Ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá; tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn…- Các vật dụng nguy hiểm: Bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng, các vật sắc, nhọn...- Những nơi nguy hiểm: Hồ, ao, hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm…- Kỹ năng phòng tránh đuối nước- **GDKNS**: Các vật dụng không an toàn; những nơi nguy hiểm... |
| **MT10**. Trẻ biết những nơi như: Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần |
| **MT11**. Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh |
| **MT12**. Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ | Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ:- Gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu…- Tránh một số trường hợp không an toàn:+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.- Biết số điện thoại của người thân- Nhớ địa chỉ của gia đình- Biết số điện thoại khẩn như: 113, 114, 115- Kỹ năng phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc- **GDKNS**: Khi bé đi lạc; bé tự bảo vệ mình; các trường hợp khẩn cấp; phòng tránh bị bắt cóc... |
| **MT13**. Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn | - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.- Không leo trèo cây, ban công, tường rào... |
| **2. Phát triển vận động** |
| **MT14**. Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.  | - Hô hấp: Hít vào, thở ra.- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân)+ Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.- Lưng, bụng, lườn:+ Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.+ Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.- Chân:+ Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.+ Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. |
| **MT15**. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi, đứng | Giữ thăng bằng cơ thể và kiểm soát được vận động: - Đi bằng mép ngoài bàn chân- Đi khuỵu gối- Đi trên dây (Dây đặt trên sàn)- Đi lên, xuống trên ván kê dốc- Đi thăng bằng trên ghế thể dục, đầu đội túi cát- Đi nối bàn chân tiến, lùi- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.- Đi thay đổi hướng (Dích dắc) theo hiệu lệnh- Chạy liên tục 150m- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh- Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh- Chạy 18m trong khoảng 5 - 7 giây- Chạy chậm khoảng 100 - 120m- Chạy và vượt qua chướng ngại vât- Steam+ Đá bóng trúng đích+ Chiếc ghế âm nhạc+ Vận động theo hiệu lệnh+ Vui cùng zích zắc… |
| **MT16**. Trẻ kiểm soát được vận động đi, chạy  |
| **MT17**. Trẻ phối hợp tay - mắt trong vận động tung, ném, bắt | Phối hợp nhịp nhàng tay - mắt trong các vận động:+ - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Đập bóng xuống sàn và bắt bóng tại chỗ- Đi và đập bắt bóng- Ném bắt bóng bằng 2 tay cách xa 4m- Ném xa bằng 1 tay- Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay- Ném trúng đích đứng bằng 2 tay- Ném trúng đích nằm ngang- Ném trúng đích nằm ngang- Nhảy lò cò- Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân - Chuyền, bắt bóng bên phải, bên trái- Chuyền, bắt bóng bên phải, bên trái - Chạy chậm 100m- Ném xa bằng 1 tay - Bật xa 45 cm- Ném xa bằng 2 tay - Chạy nhanh 15m- Steam+ Chuyển tiếp vòng+ Thu hoạch cà rốt… |
| **MT18**. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện vận động tổng hợp | Rèn luyện tố chất nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện các vận động:\* - Bật liên tục vào vòng - Bật  xa  40 - 50cm - Bật (Nhảy) từ trên cao xuống (40 - 45cm) - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô- Bật khép và tách chân - Tung và bắt bóng - Bật qua vật cản 15 - 20cm- Nhảy lò cò  5m- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây- Ném trúng đích đứng (Cao 1,5m, xa 2m)- Bật qua 3 - 4 vòng - Lăn bóng 4m - Chạy nhanh 10m- Bật khép và tách chân - Ném đích nằm ngang (1 tay) - Chạy nhanh 12m- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m - 5m- Bò dích dắc qua 7 điểm - Bò chui  qua ống dài 1,5m  x  0,6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm - Trèo lên, xuống 7 gióng thang- Trèo lên xuống thang - Chạy nhấc cao đùi- Steam+ Vận động cơ thể Asam sam+ Hãy làm theo tôi… |
| **MT19**. Trẻ thực hiện được các vận động uốn, xoay, gập, mở bàn tay, ngón tay |  Thực hiện; phối hợp cử động bàn tay, ngón tay; phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay- Bẻ, nắn- Lắp ráp- Xé, cắt đường vòng cung- Tô, đồ theo nét- Cài, cởi cúc, kéo khoá (Phéc mơ tuya), xâu, luồn, buộc dây. |
| **MT20**. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động cắt, vẽ, xé, dán, xếp, ghép, xâu, cài...  |
| **MT21**. Trẻ tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút (**CS14**) | - Tham gia hoạt động tích cực- Không có biểu hiện mệt mỏi như: Ngáp, ngủ gật… |
| **II. Lĩnh vực phát triển nhận thức** |
| **1. Khám phá khoa học** |
| **MT22**. Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh  | Khám phá sự vật, hiện tượng xẩy ra xung quanh trẻ:- Sự vật: Người, đồ vật, con vật, cây cối, phương tiện giao thông…- Hiện tượng: Thời tiết theo mùa; ngày và đêm; mặt trời và mặt trăng; không khí; ánh sáng; nước; đất, đá, cát, sỏi… |
| **MT23**. Trẻ phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng  | Cảm nhận của các giác quan khi quan sát, xem xét, thảo luận về sự vật (Người, đồ vật, hoa, quả, con vật, cây cối, phương tiện giao thông...) và các hiện tượng... |
| **MT24**. Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận | Làm các thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng:- Gieo hạt, quan sát sự nảy mầm- Theo dõi, so sánh sự phát triển của cây- Trồng cây, chăm sóc cây- Thử nghiệm cây được tưới nước và cây không được tưới nước- Vật nổi - vật chìm- Tan - không tan- Nước đổi màu, đổi vị- Sự bay hơi của nước- Các thể của nước- Đong, đo cát, nước- Chơi đồng hồ cát- Chong chong gió- Vị ngọt, mặn, chua, đắng, chát... - Steam+ Quá trình phát triển của cây từ hạt+ Quá trình phát triển của cây lúa+ Ghép hình cây và sự phát triển của cây |
| **MT25**. Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng |
| **MT26**. Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận. | - Làm một số thí nghiệm- Quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét, trò chuyện và thảo luận- Xem sách, tranh ảnh, băng hình, video... |
| **MT27**. Trẻ nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. | - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể: + Các giác quan kỳ diệu+ Cơ thể bé và các bạn+ Đôi mắt xinh+ Tai ai tinh+ Cảm giác của bé+ Steam: Lắp ghép các bộ phận của cơ thể; Bàn tay kỳ diệu; Tạo dáng theo hình; Hứng giấy...- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu+ Đồ chơi trong lớp+ Đồ chơi ngoài trời+ Bé thích đồ chơi gì+ Đồ dùng của bé+ Đồ dùng bé trai, bé gái+ Đồ dùng gia đình…+ **GDKNS**: Bé cùng cô làm đồ chơi...+ Steam: Lắp ghép bàn ghế; Thuyền ai nhanh; Chiếc đĩa biết đi…- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu + Một số phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt+ Một số quy định giao thông đường bộ+ Một số biển báo giao thông+ Khi bé tham gia giao thông+ Một số phương tiện và quy định giao thông đường thủy, đường hàng không+ **GDKNS**: Bé làm gì khi ngồi trên các phương tiện giao thông; bé đội mũ bảo hiểm; bé mặc áo phao; thực hành tham gia giao thông...+ Steam: Tín hiệu đèn; Cuộc đua kỳ thú…- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây+ Bé yêu cây xanh+ Quá trình phát triển của cây từ hạt+ Cây cần gì để lớn+ Cây xanh và môi trường sống+ Một số loại rau ăn lá+ Một số loại rau ăn củ+ Một số loại rau ăn quả+ Một số loại quả+ Một số loại hoa+ Một số con vật sống trong gia đình+ Một số con vật sống trong rừng+ Một số con vật sống dưới nước+ Một số côn trùng+ Một số loài chim+ Trứng và gà con+ Vòng đời của bướm+ Đàn kiến+ Từ hoa thành quả…+ Steam: Quy trình pha nước chanh, nước cam; Khám phá khoa học về côn trùng; Làm hoa qủa dầm; Lắp ghép các bộ phận của con vật; Lắp ghép cây cối; Sắp xếp vòng đời của côn trùng...+ **GDKNS**: Tập làm vườn; sơ chế rau, củ; trang trí đĩa quả; tập cắm hoa; tập làm bánh...- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây- Các nguồn nước trong môi trường sống; ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây; một số đặc điểm, tính chất của nước; nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.+ Các nguồn nước+ Không khí và ánh sáng+ Bé biết gì về nước+ Vòng tuần hoàn của nước+ Các mùa trong năm+ Mùa hè sôi động+ Ngày và đêm+ Mặt trời, mặt trăng và các vì sao+ Một số hiện tượng thiên nhiên+ Sự kỳ diệu của những viên sỏi (đá)…+ Bé trải nghiệm với cát, đất…+ Steam: Thí nghiệm hạt gạo nhảy múa; Khám phá sắc màu; Làm kem siêu tốc...+ **GDKNS**: Phòng chống đuối nước; Bé tiết kiệm nước; Bé bảo vệ môi trường... |
| **MT28**. Trẻ phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. |
| **MT29**. Trẻ giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau | - Tập nghĩ ra các cách khác nhau để giải quyết vấn đề đơn giản- Tạo ra các tình huống cho trẻ giải thích |
| **MT30**. Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình. | Giúp trẻ thể hiện hiểu biết của mình về các đối tượng thông qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình… |
| **MT31**. Trẻ dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra (**CS95**) | - Quan sát các hiện tượng hàng ngày- Quan sát thời tiết- Dự đoán thời tiết- Chuẩn bị trang phục phù hợp thời tiết |
| **2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán** |
| **MT32**. Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi... | - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.+ Ôn số lượng trong phạm vi 5, các số từ 1 - 5+ Số 6 (Tiết 1, Tiết 2)+ Số 7 (Tiết 1, Tiết 2)+ Số 8 (Tiết 1, Tiết 2)+ Số 9 (Tiết 1, Tiết 2)+ Số 10 (Tiết 1, Tiết 2)... |
| **MT33**. Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng |
| **MT34**. Trẻ so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. |
| **MT35**. Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. |
| **MT36**. Trẻ gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm; tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau. | Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm: - Số 6 (Tiết 3)- Số 7 (Tiết 3)- Số 8 (Tiết 3)- Số 9 (Tiết 3)- Số 10 (Tiết 3)... |
| **MT37**. Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. | Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Địa chỉ gia đình, số nhà, biển số xe, số điện thoại...). |
| **MT38**. Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu | - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc- Tạo ra quy tắc sắp xếp. |
| **MT39**. Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp (Mẫu) và sao chép lại. |
| **MT40**. Trẻ sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp |
| **MT41**. Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. | - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo+ Steam: Bơm nước vào thùng... |
| **MT42**. Trẻ gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. | - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối trụ; khối vuông, khối chữ nhật và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau+ Steam: Chắp ghép hình học; Tìm hình theo quy luật; Chắp ghép các hình hình học thành ngôi nhà, xe ô tô, tàu hoả, tháp... |
| **MT43**. Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. | Xác định vị trí của đồ vật (Phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn |
| **MT44**. Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm. | - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai - Gọi tên các thứ trong tuần. |
| **MT45**. Trẻ nói được ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ (**CS111**) | - Xem lịch, nói ngày trên lốc lịch, lịch để làm gì?- Xem đồng hồ, nói giờ chẵn trên đồng hồ, đồng hồ để làm gì?+ Steam: Bé xem lịch; Chiếc đồng hồ…  |
| **3. Khám phá xã hội** |
| **MT46**. Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình:- Bé tự giới thiệu về mình- Mừng sinh nhật bé- Bé lớn lên từng ngày- Sở thích của bé- Các hoạt động của bé và các bạn |
| **MT47**. Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình; Nói địa chỉ gia đình mình, số điện thoại người thân...khi được hỏi, trò chuyện. | Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (Gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.- Gia đình của bé- Mừng sinh nhật mẹ- Ngôi nhà của bé- Nhà bé ở đâu- Gia đình bé cần gì- Nhu cầu của gia đình bé |
| **MT48**. Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp; Tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường; Họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường:- Trường mầm non thân yêu- Trường bé có gì- Ở trường bé làm gì- Lớp học của bé- Các cô bác ở trường bé- Bé và các bạn |
| **MT49**. Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.  | Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.- Bác nông dân- Cô, chú công nhân xây dựng- Cháu yêu chú bộ đội- Bé làm bác sỹ- Nghề sản xuất nông nghiệp ở địa phương bé- Cây lúa nước- Bố mẹ bé làm nghề gì- Cô bán hàng- Tiệm làm đẹp (Làm tóc, làm nail) - Các hoạt động trải nghiệm: Tập làm vườn, thăm quan cánh đồng lúa, mô hình sản xuất... |
| **MT50**. Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.  | Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa trong năm như:- Bé vui đón Tết Trung thu- Quốc khánh 02/9- Vui ngày hội của bà, của mẹ 20/10- Vui ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11- Tết nguyên đán- Vui hội 08/3- Ngày 22/12- Mừng sinh nhật Bác- Mừng lễ Noel- Lễ hội Đền Cuông- Lễ hội Làng Sen- Ngày Tết thiếu nhi...- Steam: + Làm các loại bánh+ Làm quà tặng mẹ+ Sáng tạo bông hoa mùa xuân+ Làm phở cuốn+ Làm chả nem+ Khám phá quy trình gói bánh chưng và thực hành gói bánh chưng+ Làm lồng đèn Trung thu... |
| **MT51**. Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.  | Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của quê hương, đất nước:- Di tích lịch sử Nhà thờ Họ Nguyễn Tân Tiến, Nghĩa trang liệt sỹ xã, Đền Cuông, Quê Bác Hồ, Lăng Bác, Quảng trường Ba Đình, Thủ đô Hà Nội...- Danh lam, thắng cảnh: Đền Cuông, Cửa Lò, Quê Bác Hồ, Quảng trường Hồ Chí Minh, Chùa Bái Đính, Hạ Long, động Phong Nha... |
| **III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ** |
| **MT52**. Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể | Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp |
| **MT53**. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi | - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (Đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...).- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh |
| **MT54**. Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm…phù hợp với ngữ cảnh.  |
| **MT55**. Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. | - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?”; “Có gì giống nhau?”; “Có gì khác nhau?”; “Do đâu mà có?”- Đặt các câu hỏi “Tại sao?”; “Như thế nào?”; “Làm bằng gì?” |
| **MT56**. Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện (**CS72**) | - Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh- Khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau |
| **MT57**. Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. | - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp |
| **MT58**. Trẻ điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh |
| **MT59**. Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh…  | - Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. |
| **MT60**. Trẻ miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật. | Kể lại sự việc theo trình tự |
| **MT61**. Trẻ sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”…phù hợp với tình huống. | - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng- Nói lễ phép, sử dụng các từ lịch sự |
| **MT62**.Không nói tục, chửi bậy (**CS78**) |
| **MT63**. Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao… | Nghe và đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè...phù hợp với độ tuổi.**\* Thơ****- Chủ đề Đến trường thật vui**Trăng ơi từ đâu đến (Trần Đăng Khoa); Gà học chữ (Phạm Trung Hiếu); Của chung (Trần Duy Đức); Nặn đồ chơi (Nguyễn Ngọc Ký); Em vẽ (Hoàng Thanh Hà); Thỏ con và mặt trăng (Phạm Hổ); Cô giáo của em (Chu Huy); Bé học toán; Giúp bạn; Làm quen chữ số; Chơi ú tim...**- Chủ đề Bé và những người bạn**Những con mắt (Trường MN Tuổi Thơ - Hải Châu - Đà Nẵng); Tay ngoan (Võ Thị Như Chơn); Chiếc bóng (Phạm Thanh Quang); Xòe tay (Phong Thu); Cánh hoa nở (Phạm Đình Ân); Lời bé (Nguyễn Văn Bình); Bé chẳng sợ tiêm; Mười ngón tay... **- Chủ đề Gia đình thân yêu**Chia bánh (Trương Hữu Lợi); Làm anh (Phan Thị Thanh Nhàn); Giữa vòng gió thơm (Quang Huy); Bàn tay có nụ hôn (Tranh thơ minh họa); Mẹ của em (Trần Quang Vịnh); Bé chờ mong (Hoàng Thị Minh Khanh)... **- Chủ đề Những nghề bé yêu**Chiếc cầu mới (Thái Hoàng Linh); Hạt gạo làng ta (Trần Đăng Khoa); Chú bộ đội hành quân trong mưa (Vũ Thùy Hương); Ước mơ của Tý (Lưu Ngọc Lễ); Chú cảnh sát giao thông; Bát cơm ngày mùa; Lúa mới; Cô giáo của con...- **Chủ đề Thế giới thực vật và Tết nguyên đán**Hoa kết trái (Thu Hà); Hoa cúc vàng (Nguyễn Văn Chương); Rau ngót, rau đay (Hồng Thu sưu tầm); Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên); Mưa xuân (Tú Mỡ); Ăn quả (Hồng Thu); Giàn gấc (Tranh thơ minh họa); Trồng cúc (Tranh thơ minh họa); Thị (Tranh tơ minh họa); Lời chào của hoa; Họ nhà cam quýt; Màu của quả; Vòng quay luân chuyển… **- Chủ đề Những con vật gần gũi**Mèo đi câu cá (Thái Hoàng Linh); Nàng tiên ốc (Phan Thị Thanh Nhàn); Gà mẹ đếm con (Nguyễn Duy Chế); Con chim chiền chiện (Huy Cận); Hổ trong vườn thú (Vũ Quang Vinh); Con ong chuyên cần (Vũ Quang Vinh); Đom đóm…  **- Chủ đề Phương tiện và quy định giao thông**Cô dạy con (Bùi Thị Tình); Con rắn thép (Nguyễn Quỳnh Thi); Đèn đỏ giao thông (Mỹ Trang - Bình Định); Cháu dắc tay ông (Nguyễn Phan Khuê); Chúng em chơi giao thông (Ngô Tô Hải); Mẹ đố bé (Phạm Hổ); Bé tập đi xe đạp (Cao Thúy Hưng); Trên đường (Hương Mai); Tiếng động quanh em; Em không như chú mèo… - **Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**Trăng ơi từ đâu đến (Trần Đăng Khoa); Bình minh trong vườn (Đỗ Ngọc Hương); Trưa hè (Trần Đăng Khoa); Mưa (Trần Đăng Khoa); Nắng bốn mùa (Mai Anh Đức); Bờ tre đón khách; Ông mặt trời bật lửa...**- Chủ đề Đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học**Ảnh Bác (Trần Đăng Khoa); Gà học chữ (Phan Trung Hiếu); Bé vào lớp 1 (Sưu tầm); Về quê (Nguyễn Thắng); Quê hương (Đỗ Trung Quân); O tròn như trứng vịt (Nguyễn Duy Chế); Ngỗng và vịt (Phạm Hổ); Em yêu miền Nam (Hoài Nam sưu tầm); Làm quen chữ số; Giếng làng em...**\* Ca dao, đồng dao**Chi chi chành chành; Chú cuội ngồi gốc cây đa; Nu na nu nống; Gánh gánh gồng gồng; Kéo cưa lừa xẻ; Tay đẹp; Vè loài vật; Lúa ngô là cô đậu nành; Họ rau; Đi cầu đi quán; Bà còng đi chợ trời mưa; Mồng một lưỡi trai; Con mèo mà trèo cây cau; Con gà cục tác lá chanh; Con kiến mà leo cành đa; Trời mưa trời gió... |
| **MT64**. Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện | Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi; kể lại truyện đã được nghe theo trình tự; đóng kịch:**- Chủ đề Đến trường thật vui**Mèo con và quyển sách (Trần Thị Thu); Thỏ trắng biết lỗi (Phùng Kim Liên); Món quà của cô giáo (Tú Anh); Ai quan trọng nhất; Chiếc áo đẹp; Bài học đầu năm; Chú vịt khàn...**- Chủ đề Bé và những người bạn**Đôi tai xấu xí (Theo báo Họa Mi); Cháu rất nhớ bạn ấy (Nguyễn Bích Ngọc); Chuyện của dê con (Truyện tranh minh họa); Giấc mơ kỳ lạ; Cái đuôi của sóc nâu...**- Chủ đề Gia đình thân yêu**Ba cô gái (Thu Thủy); Ai đáng khen nhiều hơn (Phong Thu); Cây khế (Kim Tuyến kể theo truyện cổ tích Việt Nam); Tấm Cám (Truyện cổ tích Việt Nam); Bàn tay có nụ hôn (Thanh Nga); Cây gia đình của Sóc Nâu (Sưu tầm); Anh em nhà thỏ (Hoàng Thị Minh Khanh); Hai anh em gà con (Truyện tranh minh họa)...**- Chủ đề Những nghề bé yêu**Sự tích quả dưa hấu (Truyện cổ Việt Nam); Thần sắt (Truyện dân tộc Thái); Hai anh em (Truyện cổ Việt Nam); Cây tre trăm đốt (Truyện cổ tích Việt Nam); Ba điều ước (Truyện cổ Tây Nguyên)...- **Chủ đề Thế giới thực vật và Tết nguyên đán**Quả bầu tiên (Kim Tuyến); Sự tích hoa hồng (Theo báo hoa hồng); Sự tích cây khoai lang (Theo báo Họa Mi); Sự tích bánh chưng, bánh giày (Truyện cổ Việt Nam); Sự tích cây vú sữa (Theo Ngọc Châu); Hoa bìm bìm (Truyện tranh minh họa); Chú đỗ con (Viết Linh)...**- Chủ đề Những con vật gần gũi**Hươu con biết nhận lỗi (Trần Thị Ngọc Trâm); Chú dê đen (Sưu tầm); Ếch xanh và con cá (Nguyễn Minh Hồng); Chuyện về loài voi (Ngọc Trâm sưu tầm); Những nghệ sỹ của rừng xanh (Theo báo Họa Mi); Cá chép con (Cẩm Bích sưu tầm); Chim vàng anh ca hát (Nhà xuất bản Phụ Nữ); Cá diếc con (Nguyễn Đình Quảng); Những chuyến đi xa của cô chuột nhỏ (Truyện tranh minh họa); Anh chuột trũi (Truyện tranh minh họa); Cá cầu vồng can đảm; Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí; Cá rô ron lên bờ; Sự tích bông hoa cúc trắng...**- Chủ đề Phương tiện và quy định giao thông**Thỏ con đi học (Đỗ Thị Ngọc Anh); Những tấm biển biết nói (Nguyễn Đức); Một phen sợ hãi (Phạm Minh Thư); Qua đường (Phỏng theo truyện ngắn của T.H)...- **Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**Sơn Tinh, Thuỷ Tinh (Truyện cổ tích Việt Nam); Nàng tiên bóng đêm (Vi Tiểu Thanh); Sự tích ngày và đêm (Thu Thủy); Con vật rơi xuống hồ nước; Sự tích chú Cuội cung trăng...**- Chủ đề Đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học** Sự tích Hồ Gươm (Truyện truyền thuyết Việt Nam); Chuyện ông Gióng (Truyện cổ Việt Nam); Niềm vui bất ngờ (Theo Bác Hồ kính yêu - NXB Kim Đồng); Quả táo của Bác Hồ (Phỏng theo truyện của Bác Hồ); Sự tích con rồng cháu tiên (Theo Võ Văn Trực); Chàng Rùa; Khen các cháu; Mỵ Châu - Trọng Thủy... |
| **MT65**. Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện.  |
| **MT66**. Trẻ chọn sách để “Đọc” và xem. | - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh**-** Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau- Làm quen với cách đọc và viết Tiếng Việt:+ Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ- Giữ gìn, bảo vệ sách |
| **MT67**. Trẻ kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.  |
| **MT68**. Trẻ biết cách “Đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. |
| **MT69**. Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường | Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ...) |
| **MT70**. Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt. | - Nhận dạng các chữ cái và phát âm được chữ cái: o,ô,ơ; a, ă, â; e,ê; u,ư; i,t,c; b,d,đ; m,l,n; h,k; g,y;p,q; s,x; v,r- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu: b-p; n-l; tr-ch…- Steam: + Xếp chữ cái từ hột hạt+ Ong tìm chữ+ Trồng chữ cà rốt+Ghép trứng+ Lắp ghép đoàn tàu chữ cái+ Lắp ghép các chữ cái bằng tiếng Anh theo yêu cầu của cô+ Hát/đọc chữ cái bằng tiếng Anh+ Tìm chữ cái trong từ/tiếng Anh… |
| **MT71**. Trẻ tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. | Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. |
| **MT72**. Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân (**CS87**) | - Giả vờ đọc, sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ - Viết lại những kinh nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác |
| **IV. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội** |
| **MT73**. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. | - Sở thích, khả năng của bản thân- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác- Nêu hoặc lựa chọn các trò chơi, hoạt động mà mình thích |
| **MT74**. Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). |
| **MT75**. Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân(**CS30**) |
| **MT76**. Trẻ biết mình là con/cháu/anh/ chị/em trong gia đình. | - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình |
| **MT77**. Trẻ ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân (**CS28**) | - Chọn và giải thích được lý do chọn trang phục- Bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy, bạn trai sẵn sàng giúp đỡ bạn gái những việc nặng hơn khi được đề nghị...  |
| **MT78**. Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...). | - Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, thu dọn đồ chơi...) - Tự thực hiện một số việc mà không chờ sự nhắc nhở của người lớn |
| **MT79**. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. |
| **MT80**. Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.  | - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.- Vui vẻ và nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối- Nhanh chóng triển khai công việc- Không tỏ ra chán nản, phân tán trong quá trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc. |
| **MT81**. Trẻ thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công viêc (**CS32**) | - Phấn khởi, ngắm nghía, nâng niu, khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác- Cất, giữ gìn sản phẩm |
| **MT82**. Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân (**CS34**) | Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến |
| **MT83**. Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. | Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. |
| **MT84**. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. | Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. |
| **MT85**. Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.  | - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn |
| **MT86**. Trẻ thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh(**CS40**) |
| **MT87**. Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích (**CS41**) | - Trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá, như: Đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng ném đồ chơi...- Sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc tiêu cực (Khó chịu, tức giận) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột trong sinh hoạt hàng ngày |
| **MT88**. Trẻ dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi (**CS42**) | - Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau- Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm- Được mọi người trong nhóm tiếp nhận- Chơi hòa thuận với bạn: Chơi vui vẻ, thoải mái; không đánh bạn, không tranh dành đồ chơi, không la hét hoặc nằm ăn vạ... |
| **MT89**. Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên (**CS46**) |
| **MT90**. Trẻ thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè (**CS50**) |
| **MT91**. Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn (**CS60**) | - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn- Bảo vệ quyền lợi chính đáng cho bạn- Bảo vệ bạn khi bị người khác bắt nạt- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “”Đúng” - “sai”, “Tốt” - “xấu” |
| **MT92**. Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn |
| **MT93**. Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn  |
| **MT94**. Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi (**CS43**) | - Chủ động đến nói chuyện- Sẵn sàng trả lời các câu hỏi khi giao tiếp với những người gần gũi |
| **MT95**. Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. | - Lắng nghe ý kiến của cô, của bạn; không ngắt lời người khác; không tranh nói trước khi trò chuyện- Chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động, không chen lấn, xô đẩy bạn; xếp hàng ngay ngắn, không chạy hàng này sang hàng kia khi tập thể dục- Trong các trường hợp đông người, xếp hàng và vui vẻ, kiên nhẫn chờ đợi, không chen ngang, xô đẩy người khác... |
| **MT96**. Trẻ biết chờ đến lượt |
| **MT97**. Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. | Sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép, lịch sự |
| **MT98**. Trẻ sẵn sàng giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn (**CS45**) | - Chủ động giúp khi nhìn thấy bạn cần sự giúp đỡ- Giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu |
| **MT99**. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng | Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên lề đường; không khạc nhổ bừa bãi; không nói to nơi công cộng... |
| **MT100**. Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác (**CS53**) |
| **MT101**. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ  | - Hình ảnh Bác Hồ- Quê nội, quê ngoại của Bác Hồ- Một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc...)- Kính yêu Bác Hồ, thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua các hoạt động hát, đọc thơ, kể chuyện, xem tranh ảnh, video...về Bác Hồ...  |
| **MT102**. Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. |
| **MT103**. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống của quê hương, đất nước.  | Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. |
| **MT104**. Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định. | - Giữ gìn vệ sinh môi trường- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối- **GDKNS**: Phân loại và xử lý rác thải; những hành động nên và không nên để bảo vệ môi trường... |
| **MT105**. Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường  |
| **MT106**. Trẻ tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. | - Tiết kiệm điện, nước- Lấy lượng nước, thức ăn vừa đủ dùng; không để thừa thức ăn- **GDKNS**: Bé tiết kiệm điện; bé tiết kiệm nước; tiệc buffe cho bé... |
| **V. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ** |
| **MT107**. Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng | Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thang gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. |
| **MT108**. Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (Hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. | Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển); nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc**- Chủ đề Đến trường thật vui**Ngày đầu tiên đi học (Nhạc Nguyễn Ngọc Thiện, lời Viễn Phương); Bài ca đi học (Phan Trần Bảng); Em yêu trường em (Hoàng Vân); Đi học (Nhạc Bùi Đình Thảo, lời Minh Chính, Bùi Đình Thảo); Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên); Xếp hình chữ cái (Vũ Minh Vỹ); Ánh trăng hòa bình (Nhạc Hồ Bắc, lời Mộng Lân); Niềm vui cô nuôi dạy trẻ; Mái trường mến yêu; Mẹ địu con đi nhà trẻ... **\* Chủ đề Bé và những người bạn**Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục); Ru em (Dân ca Xê Đăng); Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn); Sinh nhật hồng (Lê Quốc Thắng); Xòe hoa (Dân ca Thái); Em là chim câu trắng (Trần Ngọc)... **\* Chủ đề Gia đình thân yêu**Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Nhạc Phạm Tuyên, thơ Lâm Thị Mỹ Dạ); Lời ru trên nương (Nhạc Trần Hoàn, lời Nguyễn Khoa Điềm); Cho con (Phạm Trọng Cầu); Chỉ có một trên đời (Trương Quang Lục); Bố là tất cả (Thập Nhất); Ba ngọn nến lunh linh (Ngọc Lễ); Nhà là nơi (Nguyễn Hải Phong); Đưa cơm cho mẹ đi cày (Hàn Ngọc Bích); Tổ ấm gia đình; Mừng tuổi mẹ; Gia đình nhỏ, hạnh phúc to; Tình cha...\* **Chủ đề Những nghề bé yêu**Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý); Hạt gạo làng ta (Trần Viết Bình); Xe chỉ luồn kim (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Đi cấy (Dân ca Thanh Hóa); Ngày mùa vui (Văn Cao); Em đi giữa biển vàng; Cháu hát về đảo xa; Ước mơ xanh; Bụi phấn; Chú bộ đội và cơn mưa...\* **Chủ đề Thế giới thực vật và Tết nguyên đán**Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện); Mùa xuân nho nhỏ (Trần Hoàn); Cây trúc xinh (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Lý chiều chiều (Dân ca Nam bộ); Hoa thơm bướm lượn (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Ngày vui 08/3 (Hoàng Văn Yến); Cây Muỗm (Dân ca Cam - pu - chia); Chúc xuân... **\* Chủ đề Những con vật gần gũi**Lý hoài nam (Dân ca Quảng Trị - Thừa Thiên Huế); Lượn tròn lượn khéo (Văn Chung); Cái cò đi đón cơn mưa (Phạm Tuyên); Chim bay (Dân ca liên khu V; Con chim vành khuyên (Hoàng Vân); Đuổi chim (Dân ca Nam bộ); Con cò (Dân ca đồng bằng Bắc bộ); Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền); Vật nuôi (Nhạc Anh, dịch Đào Ngọc Dung)... **\* Chủ đề Phương tiện và quy định giao thông**Anh phi công ơi (Xuân Giao); Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Bạn ơi có biết (Hoàng Văn Yến); Từ một ngã tư đường phố (Phạm Tuyên); Bài ca cảnh sát giao thông... **\* Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**Tia nắng hạt mưa (Khánh Vinh); Hạt nắng, hạt mưa (Lê Lâm); Giai điệu của mưa (Nhạc Đỗ Thị Minh Chính, lời phỏng theo đồng dao); Tiếng ve gọi hè (Trịnh Công Sơn); Giọt mưa và em bé; Con kênh xanh xanh; Mùa hè chia tay; Phao bơi...**\* Chủ đề Đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học**Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh; Em nhớ Tây Nguyên (Văn Tấn - Trần Quang Huy); Trái đất này là của chúng mình (Trương Quang Lục); Bác Hồ người cho em tất cả (Hoàng Long- Hoàng Lân); Quê em (Nguyễn Đức Toàn); Gửi anh một khúc dân ca (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Những bông hoa trong vườn Bác (Văn Dung); Em yêu hòa bình (Nguyễn Đức Toàn); Việt Nam quê hương tôi (Đỗ Nhuận); Mùa hoa phượng nở; Bác Hồ một tình yêu bao la... |
| **MT109**. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... | Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. Đặt lời theo một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn)**\* Chủ đề Đến trường thật vui**Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên); Gác trăng (Hoàng Văn Yến); Vườn trường mùa thu (Cao Minh Khanh); Bàn tay cô giáo (Phạm Tuyên); Chào ngày mới (Hoàng Văn Yến); Bé và trăng (Bùi Anh Tôn); Trường mẫu giáo yêu thương (Hoàng Văn Yến); Biểu diễn cuối chủ đề...**\* Chủ đề Bé và những người bạn**Khuôn mặt cười (Nhạc Hàn Quốc); Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Đường và chân (Hoàng Long); Vì sao mèo rửa mặt (Hoàng Long); Trời đã sáng rồi (Nhạc Pháp); Gà gáy vang dậy bạn ơi (Văn Dung); Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Cánh hoa nở (Nhạc Văn Tiến, lời thơ Phạm Đình Ân); Nhỏ và to (Hoàng Kim Định); Bông hồng tặng mẹ và cô; Bé tập đánh răng; Biểu diễn cuối chủ đề...**\* Chủ đề Gia đình thân yêu**Bà còng đi chợ (Phạm Tuyên); Cả nhà đều yêu (Bùi Anh Tôn); Ông cháu (Phong Nhã); Ngôi nhà mới (Mộng Lân); Ru em ngủ (Lê Hoàng Dũng); Bầu và bí (Phạm Tuyên); Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân); Nhà của tôi (Thu Hiền); Gánh gánh gồng gồng (Phạm Tuyên); Có ông bà, có ba má (Sông Trà); Thiên đường búp bê (Nhiều tác giả); Nhà mình rất vui (Sông Trà); Sau mưa (Xuân Giao); Tôi là cái ấm trà; Biểu diễn cuối chủ đề...\* **Chủ đề Những nghề bé yêu**Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền); Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến); Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến); Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu); Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân); Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân); Tôi là đầu bếp (Trần Chính); Ai làm ra mùa vàng (Trần Chính); Chú bộ đội đảo xa (Trần Xuân Tiên); Biểu diễn cuối chủ đề...\* **Chủ đề Thế giới thực vật và Tết nguyên đán**Em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yến); Màu hoa (Hồng Đăng); Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu); Lá xanh (Thái Cơ); Hoa trường em (Dương Hưng Bang); Bầu và bí (Phạm Tuyên); Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân); Lý cây xanh (Dân ca Nam Bộ); Hoa kết trái (Nhạc Phạm Thị Sửu, thơ Hoàng Thị Lộc); Ngày vui 08/3 ( Hoàng Văn Yến); Mùa xuân (Hoàng Văn Yến); Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục); Vào rừng hoa (Việt Anh); Bầu bí thương nhau; Biểu diễn cuối chủ đề...**\* Chủ đề Những con vật gần gũi**Bắc kim thang (Dân ca Nam Bộ); Chú voi con ở Bản Đôn (Phạm Tuyên); Đố bạn (Hồng Ngọc); Con chim non (Dân ca Pháp); Chú mèo con (Nguyễn Đức Toàn); Bài hát của chuồn chuồn (Hoàng Lương); Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền); Ba con bướm (Sông Trà); Gọi bướm (Đào Ngọc Dung); Cua và cò (Bùi Anh Tôn); Voi làm xiêc (Phan Hiền); Chim chích bông; Cún con và Mèo Mi; Đàn gà trong sân; Thật là hay; Gà mẹ đếm con; Con cào cào; Ngày vui của bà của mẹ; Biểu diễn cuối chủ đề...**\* Chủ đề Phương tiện và quy định giao thông** Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến); Em đi chơi thuyền (Trần Kiết Tường); Đèn đỏ đèn xanh (Lương Vĩnh); Đường em đi (Ngô Quốc Tính); Em là công an tý hon (TRần Xuân Tiến); Lái máy bay (Xuân Giao); Cô dạy bé bài học giao thông (Lâm Trọng Tường); Những con đường em yêu (Hoàng VĂn Yến); Bạn ơi có biết; Biểu diễn cuối chủ đề...**\* Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**Mây và gió (Minh Quân); Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà); Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung); Bé và Trăng (Bùi Anh Tôn); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích); Sau mưa; Khúc ca bốn mùa; Bé yêu biển lắm; Những khúc nhạc hồng; Đừng đi đường kia có mưa; Biểu diễn cuối chủ đề...**\* Chủ đề Đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học** Yêu Hà Nội (Bảo Trọng); Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao); Nhớ giọng hát Bác Hồ (Nhạc Thanh Phúc, thơ Tạ Hữu Yên); Quê hương tươi đẹp (Dân ca Nùng); Múa với bạn Tây Nguyên (Phạm Tuyên); Tạm biệt búp bê (Hoàng Thông); Trường em (Phạm Đức Lộc); Cháu vẫn nhớ trường mầm non (Hoàng Vân); Dâng hoa lên Ông và Bác (Phạm Thị Sửu); Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao); Biểu diễn cuối chủ đề...\* Steam- Xòe và nắm- Hạt mưa giận dữ- Nhảy theo tiết tấu- Vòng tròn tiết tấu |
| **MT110**. Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). |
| **MT111**. Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.  |
| **MT112**. Trẻ gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. |
| **MT113**. Trẻ phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. | Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục**\* Chủ đề Đến trường thật vui**- Vẽ, tô màu đồ chơi trong Trường Mầm non- Vẽ đồ chơi trên sân trường- Vẽ, tô màu cô giáo**\* Chủ đề Bé và những người bạn**- Vẽ, tô màu chân dung bé- Vẽ bạn trai, bạn gái**\* Chủ đề Gia đình thân yêu**- Vẽ chân dung người thân trong gia đình- Vẽ tranh gia đình- Vẽ cái nồi/xoong- Vẽ trang trí cái cốc\* **Chủ đề Những nghề bé yêu**- Vẽ đồ dùng, dụng cụ nghề nông- Vẽ tranh chú bộ đội bảo vệ biển đảo\* **Chủ đề Thế giới thực vật và Tết nguyên đán**- Vẽ vườn hoa- Vẽ cây bằng dấu vân tay- Vẽ vườn cây ăn quả- Vẽ tranh theo chủ đề**\* Chủ đề Những con vật gần gũi**- Vẽ con gà trống- Vẽ động vật sống trong rừng- Vẽ tranh theo chủ đề thế giới động vật**\* Chủ đề Phương tiện và quy định giao thông**- Vẽ tàu thuyền trên biển- Vẽ phương tiện giao thông**\* Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên** **-** Vẽ cầu vồng**-** Vẽ cảnh trời mưa- Vẽ cảnh biển - Vẽ trang phục theo mùa theo ý thích**\* Chủ đề Đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học** - Vẽ cảnh quê hương em - Vẽ vườn hoa lăng Bác - Vẽ tranh về quê hương - Vẽ đồ dùng học tập - Vẽ, tô màu trường tiểu học |
| **MT114**. Trẻ phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối. | Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng**\* Chủ đề Đến trường thật vui**- Nặn quà tặng bạn- Nặn đồ dùng, đồ chơi**\* Chủ đề Bé và những người bạn**- Nặn búp bê mặc váy **\* Chủ đề Gia đình thân yêu**- Nặn cái bát- Nặn cái ấm- Nặn cái làn- Nặn đồ dùng gia đình\* **Chủ đề Những nghề bé yêu**- Nặn cái lọ- Nặn dụng cụ nghề nông\* **Chủ đề Thế giới thực vật và Tết nguyên đán**- Nặn cây cải- Nặn các loại quả- Nặn các loại rau, củ**\* Chủ đề Những con vật gần gũi**- Nặn con thỏ- Nặn thú rừng- Nặn con vật- Nặn quà tặng bà, tặng mẹ...**\* Chủ đề Phương tiện và quy định giao thông**- Nặn ô tô- Nặn thuyền- Nặn các phương tiện giao thông**\* Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**- Nặn cái ô- Nặn cái phao bơi**\* Chủ đề Đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học**- Nặn cái cặp- Nặn đồ dùng học tập |
|  **MT115**. Trẻ biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. | Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng và bố cục**\* Chủ đề Đến trường thật vui** - Cắt, dán đồ chơi **\* Chủ đề Bé và những người bạn**- Cắt, dán áo bạn trai, bạn gái**\* Chủ đề Gia đình thân yêu**- Cắt dán tủ quần áo- Cắt dán ngôi nhà từ các hình hình học \* **Chủ đề Những nghề bé thích**- Cắt dán hinh ảnh một số nghề\* **Chủ đề Thế giới thực vật và Tết nguyên đán**- Xé dán cây ăn quả- Cắt (Xé), dán theo chủ đề- Xé, dán cành đào ngày Tết**\* Chủ đề Những con vật gần gũi**- Xé, dán đàn cá- Cắt, dán động vật sống trong rừng**\* Chủ đề Phương tiện và quy định giao thông**- Cắt, dán ô tô- Xé, dán cột đèn hiệu giao thông- Xé, dán thuyền trên biển**\* Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**- Xé, dán mây- Xé, dán những hạt mưa**\* Chủ đề Đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học**- Xé, dán bức tranh phong cảnh- Cắt, dán đồ dùng học tập |
| **MT116**. Trẻ phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.  | - Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng và bố cục. - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.**\* Chủ đề Đến trường thật vui**- Làm quà tặng bạn- Trang trí rèm cửa lớp học**\* Chủ đề Bé và những người bạn**- Làm găng tay- Làm đồng hồ đeo tay- Làm quà tặng bà, tặng mẹ- Trang trí khăn quàng cổ**\* Chủ đề Gia đình thân yêu**- Làm cà vạt tặng bố\* **Chủ đề Những nghề bé thích - Ngày 22/12**- Làm quà tặng chú bộ đội- Làm quà tặng cô giáo\* **Chủ đề Thế giới thực vật và Tết nguyên đán**- Tạo hình rau, củ, quả- Trang trí bưu thiếp ngày Tết- Làm quà chúc Tết- Trang trí tán lá cây- Làm tranh hoa từ vật liệu thiên nhiên- Xếp hột hạt, que tính hình các con vật- Gấp hoa sen- Tạo hoa bằng dấu vân tay**\* Chủ đề Những con vật gần gũi**- Làm mô hình thế giới đại dương- Làm con gà- Làm các con vật từ nguyên vật liệu thiên nhiên- Làm quà 08/3- Làm tranh con vật từ lá cây, hột hạt...**\* Chủ đề Phương tiện và quy định giao thông**- Xếp que tính các phương tiện giao thông- Gấp máy bay- Xếp thuyền**\* Chủ đề nước và một số hiện tượng tự nhiên**- Làm mưa ngũ sắc- Làm cầu vồng**\* Chủ đề Đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học**- Làm quà mừng sinh nhật Bác- Trang trí khung ảnh Bác Hồ- Trang trí khung tranh về phong cảnh- Làm sơ lược bản đồ Việt Nam(Lồng ghép Steam vào các hoạt động)  |
| **MT117**. Trẻ phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. |
| **MT118**. Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (Về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình | Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục |
| **MT119**. Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục |
| **MT120**. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích | - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. |
| **MT121**. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình. |

 **HIỆU TRƯỞNG**

 **Nguyễn Thị Thủy**